

Thái Nguyên, ngày 29 tháng 12 năm 2020

DANH SÁCH ĐIỂM THI

**PHẦN I.1: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN CỦA CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN
LỚP TCLLCT-HC HỆ KHÔNG TẬP TRUNG KHÓA 53 TẠI TRƯỜNG**

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bảng chữ	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Hoa Anh	1	53	8.0	Tám	
2	Nguyễn Thị Lan Anh	2	59	7.5	Bảy rưỡi	
3	Bùi Thị Thanh Bình	3	43	7.5	Bảy rưỡi	
4	Hoàng Văn Biên	4	44	7.0	Bảy	
5	Lê Thị Cát	5	64	7.0	Bảy	
6	Đoàn Thị Chiên	6	45	7.0	Bảy	
7	Phạm Thị Bích Diệp	7	14	7.5	Bảy rưỡi	
8	Lê Thị Dung	8	56	8.0	Tám	
9	Nguyễn Văn Dũng	9	11	8.0	Tám	
10	Đoàn Xuân Dương	10	61	7.0	Bảy	
11	Đặng Khánh Duy	11	37	7.5	Bảy rưỡi	
12	Hà Thị Bích Đào	12	09	8.0	Tám	
13	Phùng Thị Hà	13	23	7.5	Bảy rưỡi	
14	Phạm Thị Hà	14	13	7.5	Bảy rưỡi	
15	Vũ Ngọc Hà	15	18	7.5	Bảy rưỡi	
16	Nguyễn Thị Hạnh	16	08	7.0	Bảy	
17	Tổng Thị Hằng	17	24	7.5	Bảy rưỡi	
18	Nguyễn Thu Hiền	18	07	8.0	Tám	
19	Dương Văn Hiệp	19	58	8.0	Tám	
20	Trương Thúy Hồng	20	70	7.0	Bảy	
21	Trần Văn Hồng	21	69	7.0	Bảy	
22	Lê Thị Huế	-	-	-	-	Không đủ ĐKDT



Handwritten signature

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
23	Cù Xuân Hùng	22	57	7.5	Bảy rưỡi	
24	Đỗ Thị Thanh Hương	23	65	8.0	Tám	
25	Hoàng Quốc Huy	24	38	7.0	Bảy	
26	Đinh Quang Huy	25	47	7.0	Bảy	
27	Trần Thị Huyền	26	48	7.0	Bảy	
28	Nguyễn Thị Thu Huyền	27	15	8.0	Tám	
29	Phạm Thị Thanh Huyền	28	26	8.0	Tám	
30	Vũ Hồng Kiên	29	49	7.5	Bảy rưỡi	
31	Hoàng Ngọc Linh	30	33	7.5	Bảy rưỡi	
32	Nguyễn Thái Linh	31	31	7.5	Bảy rưỡi	
33	Nguyễn Thị Bích Loan	32	12	7.5	Bảy rưỡi	
34	Nguyễn Thị Mai	33	40	8.0	Tám	
35	Phạm Văn Nam	34	02	8.0	Tám	
6	Đinh Thị Thu Nga	35	54	8.0	Tám	
37	Trần Văn Nguyên	36	39	7.0	Bảy	
38	Phạm Thị Nhung	37	55	8.0	Tám	
39	Trần Thị Kim Oanh	38	30	8.0	Tám	
40	Phạm Thị Kim Oanh	39	05	8.0	Tám	
41	Trịnh Thị Lan Phương	40	03	7.5	Bảy rưỡi	
42	Nguyễn Quốc Phương	41	28	7.5	Bảy rưỡi	
43	Nguyễn Thị Ngọc Phượng	42	29	7.5	Bảy rưỡi	
44	Phạm Văn Quý	43	10	7.5	Bảy rưỡi	
45	Bàn Thị Lệ Quyên	44	76	8.0	Tám	
46	Trương Công Quyết	45	68	7.0	Bảy	
47	Bùi Xuân Sơn	46	52	7.0	Bảy	
48	Dương Văn Song	47	63	7.0	Bảy	
49	Nguyễn Tá Tâm	48	73	6.5	Sáu rưỡi	
50	Trương Văn Thái	49	60	7.0	Bảy	
51	Nông Văn Thắng	50	25	7.0	Bảy	

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
52	Trần Mạnh Thắng	51	32	7.0	Bảy	
53	Nguyễn Văn Thắng	52	20	5.0	Năm	
54	Nguyễn Thị Thành	53	16	7.0	Bảy	
55	Nguyễn Xuân Thi	54	-	-	-	Không đủ ĐKDT
56	Nguyễn Thị Thịnh	55	62	7.0	Bảy	
57	Nguyễn Kiến Thọ	56	-	-	-	Vắng thi
58	Lê Hoài Thu	57	71	8.0	Tám	
59	Triệu Thị Thương	58	04	7.0	Bảy	
60	Đoàn Thị Thu Thủy	59	06	7.5	Bảy rưỡi	
61	Nguyễn Phương Thủy	60	01	8.0	Tám	
62	Ngô Thu Thủy	61	21	7.5	Bảy rưỡi	
63	Nguyễn Thị Trang	62	78	7.0	Bảy	
64	Phạm Thị Thủy Triều	63	35	8.0	Tám	
65	Nguyễn Văn Trọng	64	36	7.0	Bảy	
66	Lê Văn Trọng	65	22	7.0	Bảy	
67	Lý Hoàng Tú	66	50	7.5	Bảy rưỡi	
68	Lê Minh Tú	67	34	7.5	Bảy rưỡi	
69	Nông Thanh Tùng	68	66	7.0	Bảy	
70	Nguyễn Văn Tuyển	69	80	7.0	Bảy	
71	Nguyễn Thị Bạch Tuyết	70	19	7.0	Bảy	
72	Lê Thị Hải Yến	71	79	7.5	Bảy rưỡi	
73	Đoàn Thị Hải Yến	72	17	8.0	Tám	
74	Phạm Thị Nga	73	51	7.5	Bảy rưỡi	Phần I.1-K1 ĐH Y
75	Trần Thị Thanh Thảo	74	67	7.5	Bảy rưỡi	Phần I.1-K1 ĐH Y
76	Nguyễn Hữu Quân	75	77	8.0	Tám	Phần I.1-K1 ĐH Y
77	Mai Thị Hương Giang	76	41	8.0	Tám	Phần I.1- K50KTT
78	Lương Thị Bích Phượng	77	27	8.0	Tám	Phần I.1- K50KTT
79	Văn Trọng Tuấn	78	74	6.5	Sáu rưỡi	Phần I.1- K50KTT
80	Bùi Thị Lan Anh	79	46	7.0	Bảy	Phần I.1- K50KTT

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
81	Phạm Thị Loan	80	42	7.0	Bảy	Phần I.1- K50KTT
82	Lăng Văn Hùng	81	75	7.0	Bảy	Phần I.1- K50KTT
83	Dương Văn Tân	82	72	7.0	Bảy	Phần III.1-K42TT

**PHÒNG QLĐT&NCKH
TRƯỞNG PHÒNG**



Nguyễn Thị Hồng Mây

**KHOA LLCS
TRƯỞNG KHOA**



Vũ Mạnh Hà

**K/T HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Phạm Minh Chuyên

